TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Thu Lan
2. Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 2002. Số CCCD: 015302007557.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, tỉnh Lào Cai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1993. Số CCCD: 052093002969.
Địa chỉ: Xóm I, X, xã T, tỉnh Gia Lai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị L trình bầy: Tôi và anh Nguyễn Hoàng T tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 10/2018 cho đến ngày 26/6/2020 chúng tôi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4/2023 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Hoàng T.

Về con chung: Có 01 cháu Nguyễn Hoàng Bảo L1, sinh ngày 12/6/2019. Khi ly hôn tôi và anh T thoả thuận tôi nuôi cháu L1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay làm tự do thu nhập một tháng 7.000.000 đồng

đủ để nuôi con.
Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Hoàng T trình bầy: Tôi và chị Trần Thị L tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 10/2018 cho đến ngày 26/6/2020 chúng tôi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4/2023 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Chị L xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu Nguyễn Hoàng Bảo L1, sinh ngày 12/6/2019. Khi ly hôn chị L nhận nuôi con và không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con. Tôi đồng ý.
Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai đã tiến hành hoà giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Hoàng T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Bảo L1, sinh ngày 12/6/2019 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về án phí: Chị Trần Thị L nhận chịu cả 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001467 ngày 16/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai, chị L được trả lại 150.000 đồng.

Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự cùng nhau thỏa thuận bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn chị Trần Thị L giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn; bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Hoàng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 26 tháng 6 năm 2020 là hôn nhân hợp pháp. Chị L và anh T đều cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2023 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị L xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị L và anh T hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị L được ly hôn anh T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu Nguyễn Hoàng Bảo L1, sinh ngày 12/6/2019. Khi ly hôn chị L nhận nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu L1 được ổn định, đầy đủ và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Do vậy cần giao cháu L1 cho chị L nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị L về việc nuôi con chung không trái với quy định tại điều 81; 82; 83; Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T đều xác nhận không có.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao. Chị Trần Thị L nhận chịu cả 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Hoàng T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Hoàng Bảo L1, sinh ngày 12/6/2019 cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 150.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đồng mà chị Trần Thị L đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai theo biên lai thu số: 0001467 ngày 16 tháng 4 năm 2026.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3 – Lào Cai
- Phòng THADS khu vực 3, tỉnh Lào Cai
- Các đương sự (2)
- UBND xã Xuân ái, tỉnh Lào Cai
- Lưu HS -TQĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng